

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG HÒA
TỈNH CAO BẰNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST
ngày 22/4/2021
V/v yêu cầu ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nông Thanh Điệp

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lương Văn Phúc và bà Mã Thị Lưu

Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Thành Dương - Thư ký TAND huyện Quảng Hòa;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa tham gia phiên tòa: bà Chung Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên

Trong ngày 22 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 06/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2021 về việc: “Yêu cầu ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/3/2021 giữa:

1. Nguyên đơn: **Nông Thị L** - sinh năm 1986
Nơi cư trú: xóm C xã N huyện Q tỉnh Cao Bằng.
Có mặt tại phiên tòa.
2. Bị đơn: **Triệu Quốc O** - sinh năm 1985
Nơi cư trú: xóm C xã N huyện Q tỉnh Cao Bằng.
Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/02/2021, trong bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nông Thị L trình bày:

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Tôi kết hôn với anh O không được tìm hiểu mà do hai bên gia đình sắp đặt nhưng có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn ngày 27/9/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Hoàng Hải (nay là xã Ngọc Động) huyện Quảng Hòa. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà bố mẹ của anh O. Đến ngày 24/4/2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn đỉnh điểm do anh O hay uống rượu, sử dụng ma túy, không chịu tu trí làm ăn cho nên tôi không chịu đựng được đã đem hai con về nhà mẹ đẻ, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân hai

bên gia đình có hòa giải. Ngày 05/5/2019 anh O đã tự nguyện viết giấy cam kết không uống rượu và sử dụng ma túy để mong gia đình đoàn tụ, tôi đã chấp nhận cho anh O cơ hội để sửa chữa lỗi lầm nhưng đến nay anh O không thực hiện được. Nay tôi xác định không còn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, vợ chồng đã ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh O.

[1.2] Về con chung: có 02 con chung tên là Triệu Y - sinh ngày 28/7/2007 và Triệu L - sinh ngày 22/9/2015. Hiện nay hai con đang ở với tôi. Sau ly hôn tôi là người trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh O phải cấp dưỡng nuôi con vì anh O không có công việc và thu nhập ổn định.

[1.3] Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Đối với bị đơn Triệu Quốc O trong quá trình giải quyết vụ án đã xác định về điều kiện kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đúng như chị L trình bày. Trong thời gian vợ tôi sống ly thân tôi có gọi điện và lên nhà đón vợ con về nhưng không được chị L chấp nhận. Về nguyên nhân sử dụng ma túy là do bạn bè rủ rê trong lúc say rượu nên tôi có trót sử dụng một lần. Sau khi viết cam kết ngày 05/5/2019 tôi đã cố gắng thực hiện nhưng chị L cũng không chấp nhận đoàn tụ. Nay tôi xác định còn tình cảm với chị L mong gia đình đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung và phát triển kinh tế gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung như chị L trình bày. Chỉ mong gia đình đoàn tụ.

Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.] Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là ly hôn với anh Triệu Quốc O và yêu cầu là người trực tiếp nuôi hai con chung, không yêu cầu anh O cấp dưỡng. Còn bị đơn Triệu Quốc O nhất trí ly hôn nhưng với điều kiện là anh O phải là người trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng.

[4] Đại diện Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong vụ án này những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Tại phiên tòa hôm nay, kết hợp với lời khai của chị L và các tài liệu chứng cứ cho thấy anh Triệu Quốc O sử dụng rượu và chất ma túy là nguyên nhân chính dẫn tới vợ chồng mâu thuẫn, anh O không làm tròn trách nhiệm của người chồng, người cha, làm cho mục đích hôn nhân của chị L không đạt được, do đó các yêu cầu của chị L là có căn cứ. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để xem xét chấp nhận yêu cầu ly hôn và nuôi con chung của chị Nông Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị L kết hôn với anh Triệu Quốc O trên cơ sở không được tìm hiểu mà do gia đình sắp đặt nhưng có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn ngày 27/9/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Hoàng Hải (nay là xã Ngọc Động) huyện Quảng Hòa. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà bố mẹ của anh O. Đến ngày 24/4/2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do anh O hay uống rượu, sử dụng ma túy cho nên chị L không chịu đựng được nên đã đem hai con về nhà mẹ đẻ, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân hai bên gia đình có hòa giải. Ngày 05/5/2019 anh O đã tự nguyện viết giấy cam kết không uống rượu và sử dụng ma túy để mong gia đình đoàn tụ và được chị L chấp nhận cho anh O cơ hội để sửa chữa lỗi lầm nhưng đến nay anh O không thực hiện được. Do đó chị L xác định không còn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, vợ chồng đã ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được, cho nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh O.

Quá trình lấy lời khai và hòa giải chị L đều xác định do anh O vẫn uống rượu, sử dụng ma túy cho nên mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng, vợ chồng đã ly thân trong thời gian dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh O.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc anh O sử dụng rượu và chất ma túy là nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, mặc dù chị L đã cho anh O cơ hội để sửa chữa lỗi lầm, nhưng thấy không tiến triển, cho nên vợ chồng phải ly thân, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đều phù hợp với tài liệu, chứng cứ mà chị L đã nộp cho Tòa án. Ngoài ra, kết quả xác minh tại cơ sở theo đơn yêu cầu của chị L cho thấy anh O hay uống rượu và thường xuyên mắng chửi vợ con, mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra từ năm 2016, đã được xóm hòa giải, nhắc nhở nhiều lần nhưng không thành, tháng 2 năm 2019 chị L đã đem hai con về nhà mẹ đẻ sinh sống.

Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị Nông Thị L là có căn cứ để chấp nhận theo Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Hội đồng xét xử xét thấy anh Triệu Quốc O không có việc làm và thu nhập ổn định, trong thời gian chung sống anh O say rượu có quát mắng hai con làm ảnh hưởng đến tâm sinh lý trẻ em, thực tế hai con không thích sống một nhà với anh O mặc dù anh O đã nhiều lần đến đón hai cháu. Còn chị Nông Thị L hiện nay đang làm công việc có thu nhập ổn định hàng tháng là khoảng 8,5 triệu đồng và sau khi sống ly thân, chị L đã trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu, cháu Y đang học lớp 8 có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Xét thấy chị L có đầy đủ các điều kiện thuận lợi hơn anh O để trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung. Còn việc chị L không yêu cầu anh O cấp dưỡng là đúng với thực tế hiện tại anh O nghiện ma túy, không có thu nhập, vì vậy cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử sẽ không xem xét.

[4] Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án, nay xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nông Thị L. đối với anh Triệu Quốc O.

[2] Về con chung: giao cháu Triệu Y – sinh ngày 28 tháng 7 năm 2007 và Triệu L – sinh ngày 22 tháng 9 năm 2015 cho chị Nông Thị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 02 cháu đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi xét thấy cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, thay đổi mức và hình thức cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: chị Nông Thị L phải chịu 300.000,đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai số: AA/2018/0001861 ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Hòa tỉnh Cao Bằng. Xác nhận chị L đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt nguyên đơn, bị đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- CCTHADS huyện;
- UBND xã Ngọc Động;
- Lưu HSVA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nông Thanh Điệp